

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2017/HNGĐ – ST

Ngày: 21-8-2017

"V/v tranh chấp: ly hôn,
tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Mạnh Dũng

2/ Bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 117/2017/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2017, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2017/QĐST - HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2017 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Võ Thị Hồng P, sinh năm 1988

HKTT: Thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước

Trú tại: Thôn 8, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1986

Trú tại: Thôn B, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 4 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Võ Thị Hồng P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện sống chung, tiến hành đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình

Phước cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 109, ký ngày 11/11/2010. Sau khi chung sống được 07 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T không chịu khó làm ăn, thường xuyên đập phá đồ đạc. Đến khoảng tháng 2 năm 2017 chị phát hiện anh T sử dụng trái phép chất ma túy. Chị nhiều lần khuyên nhủ anh T, mong anh T thay đổi bản thân nhưng anh T còn đánh đập chị, thậm chí sau khi sử dụng ma túy còn đe dọa giết vợ con. Đến khoảng tháng 3 năm 2017 thì chị sống ly thân với anh T. Nay chị thấy vợ chồng không còn tình cảm, bản thân anh T không thay đổi nên chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Chị và anh T có 02 con chung. Con chung tên là Nguyễn Minh T sinh ngày 14-11-2011 và Nguyễn Minh Th sinh ngày 24-8-2014. Hiện nay hai cháu đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Chị và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh T không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn T (là bị đơn) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Võ Thị Hồng P và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 11-11-2010. Điều này phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 05). Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Võ Thị Hồng P và anh Nguyễn Văn T là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn: Tại phiên tòa cũng như lời khai thể hiện trong hồ sơ, chị P cho rằng khoảng 03 năm gần đây anh T không chịu khó làm ăn, thường xuyên đập phá đồ đạc trong nhà, đe dọa giết vợ con. Nguyên nhân dẫn đến những điều này là do anh T sử dụng trái phép chất ma túy. Chị P khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của

Luật Hôn nhân và gia đình, xét thấy anh T vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị P.

[3] Về nuôi con chung: Chị P và anh T có 02 con chung. Con chung tên là Nguyễn Minh T sinh ngày 14-11-2011 và Nguyễn Minh Th sinh ngày 24-8-2014. Chị P có yêu cầu trực tiếp nuôi con. Hiện tại cháu Nguyễn Minh Th chưa đủ 36 tháng tuổi và cháu Nguyễn Minh T còn nhỏ tuổi cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình quy định “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con...”. Bản thân chị P có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, đảm bảo khả năng nuôi dưỡng hai con tốt nhất. Như vậy, xét điều kiện của chị P đảm bảo lợi ích về mọi mặt của cháu T và cháu Th nên cần chấp nhận yêu cầu của chị P giao cháu T và cháu Th cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Không ai yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản chung: Chị P xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị P xác nhận vợ chồng không có khoản nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Đối với anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên coi như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

[7] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định “Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Do đó, chị P phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Bùi Võ Thị Hồng P đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Minh T sinh ngày 14-11-2011 và cháu Nguyễn Minh Th sinh ngày 24-8-2014 cho chị Bùi Võ Thị Hồng P trực tiếp nuôi dưỡng.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản chung: Không ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Không ai yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Bùi Võ Thị Hồng P phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0021254 ngày 11 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước (đã nộp xong).

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21-8-2017). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh

